TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM KHÊ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 46/2018/HNGĐ-ST
Ngày 27-9-2018
V/v: Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM KHÊ -TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hán Hưởng.

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Hà Thị Hải

Ông Đinh Quốc Phong.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Đỗ Trọng Tú - Thư ký Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cẩm Khê,tỉnh Phú Thọ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 42/2018/TLST-HNGĐ ngày 19/3/2018 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/8/2018, giữa các đương sự:

-*Nguyên đơn*: Anh Hà Văn D, sinh năm 1984 (có mặt).

- *Bị đơn*: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1986 vắng mặt lần thứ 2, không có lý do).

Cùng địa chỉ: Khu 6, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ

-*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

Phòng giao dịch P - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Phú Thọ

Địa chỉ: Xã P, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Hoàng Thị N - Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Địa chỉ: Thị trấn S, huyện C, tỉnh Phú Thọ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn X - Chức vụ Giám đốc phòng giao dịch (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2018, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn anh Hà Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng anh chị được tự do tìm hiểu, và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ ngày 08/02/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng ở chung với bố mẹ đẻ anh tại xã Y được khoảng một năm thì làm nhà ra ở riêng. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì xảy ra mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống , mặc dù được hai bên gia đình khuyên giải nhưng mâu thuẫn không được không khắc phục mà ngày càng trầm trọng hơn. Từ tháng 8/2017 đến nay chị L đi làm ăn nên vợ chồng sống ly thân, từ đó đến nay không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh chị thuận tình ly hôn, đề nghị công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

Về con chung: Anh D trình bày vợ chồng có 02 con là Hà Đức Q, sinh ngày 07/8/2010 và Hà Đức Q, sinh ngày 30/4/2014, hiện nay 02 con đang ở với anh. Anh D giữ quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung như biên bản hòa giải anh chị đã thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh D trình bày vợ chồng có tài sản chung vợ chồng đã thỏa thuận giao cho anh trực tiếp quản lý, sử dụng trước khi hòa giải, nay đề nghị ghi nhận sự thỏa thuận gồm có: 01 thửa đất thổ cư diện tích 801,8 m^2 tại thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, ở khu 6, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được Uỷ ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/10/2014 (hiện nay đang thế chấp tại Phòng giao dịch P - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Phú Thọ) hai bên thỏa thuận trị giá 100.000.000 đồng và trên đất có 01 nhà gỗ 03 gian lợp lá cọ, trị giá 5.000.000đồng và anh không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị L, vì chị L không yêu cầu.

Về quyền, nghĩa vụ tài sản: Anh D trình bày vợ chồng anh thỏa thuận việc anh trực tiếp có nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng đề nghị ghi nhận cụ thể như sau: Vợ chồng anh có vay của Chi nhánh hàng NN huyện C, phòng giao dịch P số tiền gốc là 150.000.000đồng và vay của Phòng giao dịch Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền gốc là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); chị Hoàng Thị L không phải thanh toán chênh lệch vì anh không yêu cầu.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2018 và tại buổi hòa giải 23/3/2018, bị đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian kết hôn, quá trình chung sống và thời điểm vợ chồng sống ly thân như anh D đã trình bày là đúng. Nay anh D xin ly hôn thì chị cũng nhất trí, vì tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Về con chung: Chị L thừa nhận vợ chồng có hai con chung như anh D đã trình bày và đã thỏa thuận anh D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung và chị không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và quyền, nghĩa vụ tài sản:

Chị L thừa nhận vợ chồng có tài sản chung và khoản nợ như anh D đã trình bày trên. Hai bên thỏa thuận, anh D sử dụng toàn bộ tài sản chung của vợ chồng nhưng phải trả toàn bộ số nợ cho Phòng giao dịch P - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C và phòng giao dịch - Ngân hàng chính sách xã hội huyện C; anh D và chị L không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản và quyền, nghĩa vụ tài sản.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổ chức hòa giải để các bên thỏa thuận với nhau về án phí, nhưng chị L cố tình vắng mặt nên vụ án phải đưa ra xét xử để quyết định về nghĩa vụ chịu án phí trong vụ án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên nhân dân huyện Cẩm Khê, tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng của vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghỉ nghị án đều thực hiện đúng quy định của Pháp luật. Bị đơn cố tình vắng mặt là chưa thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ theo quy định tại khoản 1, 15, 16 điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 55, 58 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 26 của Luật thi hành án dân sự.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn D và chị Hoàng Thị n

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh D và chị L về việc anh D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hà Đức Q, sinh ngày 07/8/2010 và Hà Đức Q, sinh ngày 30/4/2014. Chị L không phải cấp dưỡng nuôi con vì anh D không yêu cầu.

Về tài sản chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn D và Hoàng Thị L về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng như sau: Anh Hà Văn D được quyền sử dụng toàn bộ thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 801,8 m^2 (trong đó đất ở là 100 m^2 và 701,8 m^2 đất trồng cây lâu năm) tại khu 6, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số ngày 08/10/2014, trị giá 100.000.000 đồng và được sở hữu 01 nhà gỗ 03 gian lợp lá cọ trên thửa đấy này trị giá 5.000.000đồng; anh Hà Văn D không phải thanh toán chênh lệch tài sản vì chị L không yêu cầu.

- *Về quyền, nghĩa vụ về tài sản:* Công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn D và chị Hoàng Thị L về việc người trực tiếp thực hiện nghĩa vụ trả nợ chung của vợ chồng như sau: Anh Hà Văn D trực tiếp trả nợ Phòng giao dịch P - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền 150.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2015 và trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng ngày 21/10/2014; chị Hoàng Thị L không phải thanh toán chênh lệch về quyền, nghĩa vụ tài sản vì anh D không yêu cầu.

- *Về công sức:* Anh D, chị L không yêu cầu Tòa án xem xét, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết.

- *Về án phí:* Anh Hà Văn D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét, tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của anh Hà Văn D xin ly hôn chị Hoàng Thị L thấy rằng:

Anh Hà Văn D và chị Hoàng Thị L kết hôn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ 08/02/2011 là cuộc hôn nhận hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Từ tháng 8/2017, do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng nên đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình.

Như vậy, có đủ cơ sở pháp lý khẳng định tình cảm vợ chồng anh D và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được và tại buổi hòa giải anh chị đã thống nhất được việc ly hôn. Do đó cần công nhận thuận tình ly hôn của anh chị.

[2]. *Về con chung:*

Anh D và chị L đã thỏa thuận: Anh D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hà Đức Q, sinh ngày 07/8/2010 và Hà Đức Q, sinh ngày 30/4/2014 và chị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[3]. *Về tài sản chung của vợ chồng.*

Anh D và chị L đã thỏa thuận: Anh D trực tiếp sử dụng toàn bộ thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 801,8 m^2 (trong đó đất ở là 100 m^2 và 701,8 m^2 đất trồng cây lâu năm) tại khu 6, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 08/10/2014, trị giá 100.000.000 đồng và được sở hữu 01 nhà gỗ 03 gian lợp lá cọ (trên thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 801,8 m^2, tại khu 6, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ) trị giá 5.000.000đồng, nhưng anh D không phải thanh toán chênh lệch về giá trị tài sản cho chị L.

Xét thấy thỏa thuận của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật nên cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[4]. *Về quyền, nghĩa vụ tài sản.*

Anh D và chị L thỏa thuận: Anh D trực tiếp trả nợ Phòng giao dịch P - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền vay 150.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2015 và trả nợ Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) theo hợp đồng tín dụng ngày 21/10/2014.

Xét thấy thỏa thuận của anh D và chị L về thực hiện quyền, nghĩa vụ tài sản là tự nguyện, không trái pháp luật, phù hợp với quan điểm của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nên cần công nhận sự thỏa thuận của anh chị.

[5]. *Về công sức:* Anh D và chị L không đề nghị xem xét nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6]. *Về án phí:* Anh D và chị L thỏa thuận được việc phân chia tài sản chung nên không phải chịu án phí chia tài sản, nhưng anh D phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 59; khoản 1 Điều 60; Điều 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn D và chị Hoàng Thị L.

2. *Về con chung*: Anh Hà Văn D trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung là Hà Đức Q, sinh ngày 07/8/2010 và Hà Đức Q, sinh ngày 30/4/2014 kể từ khi vợ chồng ly hôn đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Chị Hoàng Thị L không phải cấp dưỡng nuôi con chung vì anh D không yêu cầu. Anh D cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị L trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. *Về tài sản chung:* Công nhận sự thỏa thuận của anh Hà Văn D và chị Hoàng Thị L về việc phân chia tài sản chung, cụ thể như sau:

Anh Hoàng Văn D được trực tiếp quản lý, sử dụng 01 thửa đất số 134, tờ bản đồ số 20, diện tích 801,8 m^2 (trong đó đất ở là 100 m^2, đất trồng cây lâu năm là 701,8 m^2) tại khu 6, xã Y, huyện C, tỉnh Phú Thọ, trị giá 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng), có các cạnh tiếp giáp cụ thể như sau:

- Phía Đông giáp đất thổ cư ông Nguyễn Xuân S;

- Phía Tây giáp đất thổ cư ông Nguyễn Văn H;

- Phía Nam giáp đất thổ cư ông Hà Văn C;

- Phía Bắc giáp đất thổ cư ông Nguyễn Xuân S.

Và sở hữu tài sản trên đất là 01 nhà gỗ 03 gian lợp lá cọ, trị giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Anh Hà Văn D không phải thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị Hoàng Thị L, vì chị L không yêu cầu.

4. *Về quyền, nghĩa vụ tài sản*: Công nhân sự thỏa thuận của anh Hà Văn D và chị Hoàng Thị L về việc trả nợ như sau:

Anh Hà Văn Dtrực tiếp trả nợ Phòng giao dịch P - Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền 150.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 26/10/2015 và trả Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện C, tỉnh Phú Thọ số tiền 20.000.000đồng theo hợp đồng tín dụng ngày 21/10/2014. Chị Hoàng Thị L không phải thanh toán chênh lệch về quyền, nghĩa vụ tài sản cho anh D vì anh D không yêu cầu.

5. *Về án phí:* Anh Hà Văn D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 008139 ngày 19/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cẩm Khê. Anh D đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có mặt được quyền kháng cáo, chị L vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Cẩm Khê;
- Các đương sự;
- UBND xã Y;
- THADS huyện Cẩm Khê;
- Lưu Hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Hán Hưởng